

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị Ch, sinh năm 1995

Địa chỉ: Bản B, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Vi Văn M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Bản B, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*

- Bà Lê Thị Thu Vân - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

- Ông Đặng Văn Đương - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng V, địa chỉ: Tòa C, bán đảo L, HL, HM, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn H: Ông Phạm Đình V – Chức vụ: Cán bộ tổ tín dụng.

- Ông Vi Văn T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Bản B, xã Y, huyện L, Tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Lò Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Bản B, xã Y, huyện L, Tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Vi Văn Ch, sinh năm 1964

Địa chỉ: Bản B, xã Y, huyện L, Tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Lò Thị Th, sinh năm 1971

Địa chỉ: Bản B, xã Y, huyện L, Tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Lò Thị M, sinh năm 1979

Địa chỉ: Bản X, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 11; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị Ch và anh Vi Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung*: Chị Lò Thị Ch và anh Vi Văn M có 02 con chung là cháu Vi Gia L, sinh ngày 21/02/2014 và cháu Vi Thiên P, sinh ngày 01/12/2018. Anh

Vi Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vi Gia L và cháu Vi Thiên P. Chị Lò Thị Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Về tài sản*: Chị Ch, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ chung*:

+ *Đối với khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa*: Anh Vi Văn M và chị Lò Thị Ch đã trả hết nợ và Ngân hàng có văn bản xác nhận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

+ *Anh Vi Văn M có nghĩa vụ trả nợ các khoản gồm*:

- Trả nợ Ngân hàng V - Phòng Giao dịch huyện L số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày có nghĩa vụ trả nợ, nếu chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì anh M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ. Trường hợp trong hợp đồng vay vốn, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trả nợ ông Vi Văn T: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

- Trả nợ bà Lò Thị H: 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng);

- Trả nợ ông Vi Văn Ch: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng);

- Trả nợ bà Lò Thị Th: 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng);

- Trả nợ bà Lò Thị M: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi ông Vi Văn T, bà Lò Thị H, ông Vi Văn Ch, bà Lò Thị Th và bà Lò Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh Vi Văn M phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- *Về án phí*: Chị Lò Thị Ch, anh Vi Văn M và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được miễn án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã Y, huyện L;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Văn Minh